

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàythángnăm

BẢN KHAI

Cơ sở vật chất, kỹ thuật; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo

(Kèm theo đơn đề nghị cấp lần đầu/cấp lại/sửa đổi/bổ sung/ gia hạn của tổ chức/cá nhân)

1. Cơ sở vật chất, kỹ thuật (Trang thiết bị, hệ thống tính toán, thu nhận, xử lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn):

TT	Tên, mã hiệu của thiết bị, công nghệ	Cấu hình	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú

2. Thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo

3. Quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

TT	Tên quy trình	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng văn bản	Người ký văn bản	Ghi chú

** Kèm theo bản sao văn bản quy trình*

4. Quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo

TT	Tên quy trình ***	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng văn bản	Người ký văn bản	Ghi chú

**** Kèm theo bản sao văn bản quy trình*

Cam kết xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung đã kê khai này của tổ chức/cá nhân./.

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN XIN PHÉP

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu của tổ chức)

2. Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dự án, cảnh báo khí tượng thủy văn

Các nội dung sửa đổi:

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khí tượng thủy văn năm 2015;
- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;
- Nghị định số 136 /2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Thông tư số 78/2015/TT- BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính.
- Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn.

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự án, cảnh báo khí tượng thủy văn

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khí tượng thủy văn năm 2015;
- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;
- Nghị định số 136 /2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Thông tư số 78/2015/TT- BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính
- -Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất

Các nội dung sửa đổi:

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không có

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

2. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
- Thông tư số 30/2014/TT- BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Thủ tục hợp thửa đất

Các nội dung sửa đổi, bổ sung:

- Sửa đổi tên thủ tục thành thủ tục **tách thửa hoặc hợp thửa đất**

a) Trình tự thực hiện

- **Bước 3: Chi nhánh Văn phòng Đăng ý đất đai có trách nhiệm thực hiện:**

- Đo đạc địa chính để chia **tách thửa đất**;

- Lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất đối với thửa đất mới **tách, hợp thửa**;

- Trường hợp tách thửa do chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất hoặc do giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, đấu giá đất hoặc do chia tách hộ gia đình, nhóm người sử dụng đất; do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất để thi hành án thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:

+ Đo đạc địa chính để chia tách thửa đất;

+ Thực hiện thủ tục đăng ký biến động theo quy định đối với phần diện tích chuyển quyền; đồng thời xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp hoặc trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích còn lại của thửa đất không chuyển quyền; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao cho người sử dụng đất hoặc gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để trao đổi với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã.

- Trường hợp tách thửa do Nhà nước thu hồi một phần thửa đất thì cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm chỉ đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai căn cứ quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các công việc sau:

+ Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai;

+ Xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp và trao cho người sử dụng đất hoặc gửi UBND xã để trao đổi với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã.

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường của thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 10.000 đồng/giấy

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

=> Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận, không có tranh chấp quyền sử dụng đất, không bị kê biên để bảo đảm thi hành án và trong thời hạn sử dụng đất.

- Diện tích thửa đất tách thửa chưa có quyết định thu hồi đất, chưa có thông báo thu hồi đất, chưa có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai hoặc không có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố thu hồi đất để thực hiện dự án.

- Thửa đất tách thửa phải đảm bảo diện tích, kích thước tối thiểu đối với từng loại đất theo quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh.

- Phải đảm bảo có một cạnh thửa đất tiếp giáp với đường giao thông hiện hữu hoặc hạn chế thửa đất liền kề theo quy định Điều 171 Luật Đất đai năm 2013.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thu hành Luật Đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu

Các nội dung sửa đổi:

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 25.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 100.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 12.500 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 690.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 770.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

=> Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;
- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.
- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất trong trường hợp thửa đất gốc chưa được cấp giấy chứng nhận

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 25.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 100.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 12.500 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 690.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 770.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

=> Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;
- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.
- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;
- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;
- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

7. Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:**

- Trường hợp bổ sung tài sản với đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 100.000 đồng/giấy

- Trường hợp bổ sung tài sản với đất các địa bàn còn lại: 50.000 đồng/giấy

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp lại: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp: 370.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

=> Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

8. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 25.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 100.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 12.500 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

=> Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;
- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.
- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 76/2015/NĐ- CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kinh doanh bất động sản;
- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;
- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

9. Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”).

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 25.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 100.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 12.500 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi, cấp lại:

+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:

+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 370.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 460.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận đính chính, sai sót: 150.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.

=> Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;
- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân công trách nhiệm cơ quan thực hiện xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp khi đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

10. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 25.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 100.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 12.500 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

- Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

=> Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

11. Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 10.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 25.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi: Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 690.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chứng nhận diện đồng vào giấy chứng nhận đã cấp: Chứng nhận biến động về đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

=> Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;
- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

12. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các xã, thị trấn các huyện; các xã thuộc thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 10.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 25.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

+ Chi phí đăng tin do người đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trả.

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi lại giấy chứng nhận:

+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:

+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động về tài sản: 370.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 460.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

13. Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”).

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các xã, thị trấn các huyện; các xã thuộc thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 10.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 25.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi lại giấy chứng nhận:

+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:
- + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- + Chứng nhận biến động về tài sản: 370.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- + Chứng nhận biến động đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 460.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng.

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;
- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.
- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;
- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân công trách nhiệm cơ quan thực hiện xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp khi đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

14. Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”).

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy;

- Trường hợp đất thuộc các xã, thị trấn các huyện; các xã thuộc thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 10.000 đồng/giấy

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi lại giấy chứng nhận:

Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp:

Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân công trách nhiệm cơ quan thực hiện xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp khi đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

15. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

h) Phí, lệ phí (nếu có):

Các nội dung sửa đổi:

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các xã, thị trấn các huyện; các xã thuộc thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 10.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 25.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng.

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;
- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.
- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

16. Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 10.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 25.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

Chứng nhận đính chính, sai sót trên giấy chứng nhận đã cấp: 150.000 đồng/hồ sơ/thửa/giấy.

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;
- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.
- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của

Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

17. Thủ tục thu hồi Giấy chứng đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện

Các nội dung sửa đổi:

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý.
- Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận.

h) Phí, lệ phí (nếu có): không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

18. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy chứng nhận**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 100.000 đồng/giấy.

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 50.000 đồng/giấy

*** Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Cấp giấy chứng nhận quyền về tài sản: 770.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.

- Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.

Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

19. Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Đối với trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:

+ Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 100.000 đồng/giấy.

+ Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 50.000 đồng/giấy

- Đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận:

+ Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 50.000 đồng/giấy.

+ Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 25.000 đồng/giấy

*** Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp chứng nhận biến động về tài sản : 370.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.

- Trường hợp chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất và tài sản : 460.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN

Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;
- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;
- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

20. Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”).

h) Phí, lệ phí (nếu có):

Các nội dung sửa đổi:

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 10.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 25.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- *Trường hợp cấp đổi:*

+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- *Trường hợp chứng nhận vào giấy chứng nhận đã cấp:*

+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động về tài sản: 370.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 460.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận cấp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/Giấy chứng nhận/người đồng sử dụng

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân công trách nhiệm cơ quan thực hiện xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp khi đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

21. Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất

Các nội dung sửa đổi

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 10.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 25.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi:

+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- *Trường hợp chứng nhận vào giấy chứng nhận đã cấp*

+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động về tài sản: 370.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 460.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai

quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

22. Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”).

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 10.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 25.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi:

+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Cấp giấy chứng nhận đổi với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chứng nhận vào giấy chứng nhận đã cấp

+ Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động về tài sản: 370.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

+ Chứng nhận biến động về đổi với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 460.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;
- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;
- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân công trách nhiệm cơ quan thực hiện xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp khi đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

23. Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề (thủ tục có áp dụng mô hình “Phi địa giới hành chính”).

Các nội dung sửa đổi:

h) Phí, lệ phí (nếu có):

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 10.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 25.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi:

- + Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- + Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- + Cấp giấy chứng nhận đổi với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 850.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chứng nhận vào giấy chứng nhận đã cấp

- + Chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- + Chứng nhận biến động về tài sản: 370.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;
- + Chứng nhận biến động về đổi với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 460.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;
- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.
- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân công trách nhiệm cơ quan thực hiện xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận đã cấp khi đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

24. Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế

Các nội dung sửa đổi:

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy;

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 10.000 đồng/giấy

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

25. Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân

Các nội dung sửa đổi:

*** Lệ phí cấp giấy:**

- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 20.000 đồng/giấy;

- Trường hợp đất thuộc các địa bàn còn lại: 10.000 đồng/giấy

*** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp cấp đổi giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 640.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

- Trường hợp chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất: 350.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN;

*** Đối tượng miễn nộp phí, lệ phí:**

- Người có công với cách mạng;

- Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

- Người cao tuổi, người khuyết tật, hộ có người khuyết tật nặng trên địa bàn tỉnh.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

- Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 02/2015/TT- BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

- Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân;

- Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.